

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Truyền tải điện 1 – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: theo E-HSMT.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại theo E-HSMT và được xác định trong Bản vẽ số theo E-HSMT
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: theo E-HSMT
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: theo E-HSMT <i>[Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình (“hoàn thành từng phần” hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].</i>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày đáp ứng điều kiện khởi công công trình theo quy định tại Điều 107, Luật XD số 50/2014/QH13 và Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: <i>Không áp dụng</i> ; - Tư vấn giám sát là: <i>Sẽ được cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng</i> ;
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: <i>sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng</i>
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Các biên bản hợp có đầy đủ chữ ký hợp pháp của đại diện chủ đầu tư và của nhà thầu; - Các phụ lục bổ sung hợp đồng được ký kết, Phụ lục tồn tại của Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư ... (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là:

	<p>+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>+ Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 05 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 [<i>ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực</i>] 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định</p> <p>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nội dung đã được quy định tại mục 37.2 Chương I/E-HSMT; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời</p>

	<p>điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT.</p> <p>- Gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng:</p> <p>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 5 ngày , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 5 ngày , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 5 ngày , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].

<p>E-ĐKC 11.4</p>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng</p>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm (áp dụng cho kê khai trên webform)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn chịu trách nhiệm sửa chữa sai sót công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu (nếu có), mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Mức bảo hiểm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của nhà thầu và đã bao gồm trong giá dự thầu. + Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các công việc, thủ tục, yêu cầu... với đơn vị bảo hiểm để bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng bảo hiểm công trình giữa Chủ đầu tư với Đơn vị bảo hiểm, hạn chế tối đa việc gián đoạn hay kéo dài tiến độ thực hiện công trình do xảy ra sự kiện bảo hiểm. + Thực hiện các công việc về việc yêu cầu bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm công trình giữa Chủ đầu tư với đơn vị bảo hiểm. + Trường hợp Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm. Trường hợp tổn thất đó không được bồi thường, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục toàn bộ các tổn thất bằng chi phí của mình cho Chủ đầu tư trong thời gian muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. + Nhà thầu phải mua bảo hiểm toàn bộ trong quá trình giao nhận và vận chuyển vật tư thiết bị do Chủ Đầu tư cấp với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng giá trị hàng hóa từ kho Chủ Đầu tư trên cơ sở "tất cả các rủi ro" ngoại trừ rủi ro chiến tranh hoặc đình công, người thụ hưởng bảo hiểm là Chủ đầu tư. + Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của nhà thầu; bảo hiểm tai nạn với người lao động. Phí bảo hiểm này được hạch toán vào chi phí của nhà thầu.

E-ĐKC 20.1(a)

Thời gian bảo hành công trình_____ [ghi số ngày bảo hành công trình của nhà thầu đề xuất trong E-HSDT] ngày, kể từ ngày_____ tháng_____ năm_____

1. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định là **12 tháng** kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau:

+ Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

+ **Hình thức bảo hành:** Thư bảo lãnh của Ngân hàng (*Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành*)

+ **Bảo lãnh bảo hành:** Trong vòng 10 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% Giá trị hợp đồng.

+ **Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và

	<p>Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<p>E-ĐKC 21</p>	<p>Thông tin về Công trường là: <i>sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng</i></p>
<p>E-ĐKC 24</p>	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư, hoặc là ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng tại thực địa cho Nhà thầu và có biên bản ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp theo hợp đồng của hai bên</p>
<p>E-ĐKC 27.2</p>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Tòa án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Tòa án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Tòa án.</p> <p>Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà</p>

	<p>thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng</p> <p>Luật áp dụng: Luật Việt Nam</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: 06/05/2026 [<i>ghi ngày dự định khởi công</i>]. - Ngày hoàn thành dự kiến: 10/06/2026 [<i>ghi ngày hoàn thành dự kiến</i>].
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <i>sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng</i>. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 19.421.000VND.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm (áp dụng cho kê khai trên webform)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. + Trường hợp khác (nếu có) trong quá trình thương thảo hợp đồng. + Chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công, bản vẽ, vật tư thiết bị theo đúng tiến độ cam kết. + Nhà thầu/Chủ đầu tư đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của pháp luật nhưng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết không đảm bảo quy định. + Do sự thay đổi về yêu cầu tiến độ đưa vào sử dụng công trình nhằm đồng bộ với các công trình khác/ nhiệm vụ kinh tế xã hội khác. + Trường hợp bất khả kháng: <i>Các điều kiện để xác định sự kiện bất khả kháng, cụ thể: Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường:</i> <ul style="list-style-type: none"> a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên; b) Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng;

	<p><i>c) Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và</i></p> <p><i>d) Thực tế không thể quy cho bên kia.</i></p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm (áp dụng cho kê khai trên webform)</i></p> <p>Vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm: Tuân thủ theo yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu về xây lắp của E-HSMT.</p> <p>Vật tư của Nhà thầu sử dụng cho công trình (cát, đá, xi măng, bê tông... phải được cung cấp đầy đủ các hồ sơ: Nguồn gốc nguyên vật liệu, cam kết cung cấp vật tư kèm chứng chỉ kỹ thuật, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong thí nghiệm, kiểm tra và sử dụng dụng (xem chi tiết tại Chương V. Yêu cầu về mặt kỹ thuật HSMT).</p> <p>Đối với các vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp (nếu có), Nhà thầu chịu trách nhiệm bốc dỡ từ kho lên xe trong trường hợp nhận từ kho chủ đầu tư. Ngày sau khi giao nhận vật tư thiết bị, phải có xác nhận, ký tên, đóng dấu của người đại diện pháp luật của Nhà thầu.</p> <p>Đối với công tác thử nghiệm, nghiệm thu kết cấu thép (nếu có): Nhà thầu cần thông báo lịch nghiệm thu cho Chủ đầu tư trước 05 ngày để tổ chức phối hợp với các đơn vị liên quan. Mọi chi phí cho đoàn nghiệm thu (vé máy bay, đi lại, ăn nghỉ...) do Nhà thầu chịu và đã bao gồm trong giá chào thầu.</p> <p>Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ kho bãi để tiếp nhận vật tư chuẩn bị thi công. Vật tư sau khi tiếp nhận và lưu kho của Nhà thầu phải được bảo quản đầy đủ để đảm bảo chất lượng khi đưa vào thi công.</p> <p>Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới cách dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Trộn gói</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>Cố định</i>

E-ĐKC 42.1

- Tạm ứng: *Tham chiếu đến tệp tin đính kèm (áp dụng cho kê khai trên webform)*

Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị Hợp đồng (không bao gồm thuế VAT), theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, trong vòng 14 ngày làm việc khi nhà thầu xuất trình đủ các chứng từ sau:

- Văn bản yêu cầu tạm ứng.
- Biên bản bàn giao mặt bằng.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo Mẫu số 15 Chương VIII) trong phụ lục của Hợp đồng này.
- Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng (Theo Mẫu số 16 Chương VIII) với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực từ khi phát hành cho đến thời gian 30 ngày khi Chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng.

2. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

3. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:

- Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.
- Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.
- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

4. Hoàn trả tiền tạm ứng:

Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư

	<p>bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.</p> <p>- Thời gian tạm ứng*: __ ngày __ tháng __ năm __ [sẽ cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng].</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm (áp dụng cho kê khai trên webform)</i></p> <p>Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng sau này, dựa trên nguyên tắc thanh toán như sau:</p> <p>Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện một lần sau khi nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm theo hợp đồng với giá trị bằng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng (nếu có). Trường hợp không thể xác định được chi tiết giá trị hoàn thành tương ứng với từng hạng mục công việc hoặc giai đoạn nghiệm thu hoàn thành thì có thể quy định thanh toán theo tỷ lệ phần trăm (%) giá trị hợp đồng.</p> <p>Hồ sơ thanh toán, Hình thức và thời hạn thanh toán:</p> <p>Bên A thanh toán 95% giá trị quyết toán cho Bên B và trừ đi phần tạm ứng sau khi bên A nhận đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ trong vòng 14 ngày làm việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 06 bộ hồ sơ nghiệm thu cho hạng mục. - 06 bộ quyết toán được ký cho hạng mục. - Biên bản bàn giao bản vẽ hoàn công của công trình: 06 bộ - Hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Pháp luật. - Biên bản thanh lý hợp đồng được ký giữa hai bên. - Giấy bảo lãnh bảo đảm bảo hành. - Giấy đề nghị thanh toán. - Văn bản chấp thuận thanh toán của bên A. <p>Giá trị còn lại của quyết toán sẽ được thanh toán sau khi có biên bản thẩm tra phê duyệt quyết toán hạng mục.</p> <p>+ Đối với các hạng mục công việc của công trình, trường hợp Chủ đầu tư/Bên A nhận thấy nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu tiến độ, chất lượng, tùy theo tình hình thực tế Chủ đầu tư/Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện phần công việc đó. Việc chỉ định nhà thầu khác là quyền của Chủ đầu tư/Bên A, Nhà thầu xây lắp (Bên B) phải chấp thuận và chịu các chi phí phát sinh do việc thay thế nhà thầu này. Phần khối lượng cắt chuyển do Chủ đầu tư/Bên A tính theo đơn giá lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành của cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thi công và trừ vào giá trị thực hiện của Bên B theo Hợp đồng.</p> <p>+ Sau khi hoàn thành các hạng mục công việc trên công trường, Bên B phải kịp thời hoàn nguyên và hoàn trả lại toàn bộ</p>

	<p>mặt bằng theo tiến độ được Chủ đầu tư/Bên A yêu cầu. Kết quả hoàn nguyên, hoàn trả mặt bằng phải được xác nhận của chính quyền địa phương cơ sở (<i>tùy quy mô tính chất của gói thầu và theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT (nếu có)</i>). Khi nhà thầu chậm công tác hoàn nguyên, hoàn trả mặt bằng làm ảnh hưởng đến môi trường, xã hội, đời sống dân sinh, Chủ đầu tư/Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện phần công việc đó. Phần khối lượng cắt chuyển do Chủ đầu tư/Bên A tính theo đơn giá lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành của cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thi công và trừ vào giá trị thực hiện của Bên B theo Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: <i>sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% [<i>nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%</i>] giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm (áp dụng cho kê khai trên webform)</i></p> <p>a) Mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị phạt: Chậm 5 ngày đầu (01-5 ngày) phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Chậm mỗi ngày tiếp theo phạt thêm 0,5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Tổng số tiền phạt do không hoàn thành tiến độ công trình theo hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Nếu giá trị phạt vượt quá giới hạn tối đa (12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm), chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng và tịch thu bảo đảm thực hiện Hợp đồng. <p>b) Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt được cập nhật trên phần mềm quản lý đầu tư xây dựng của EVN là căn cứ để xác

	<p>định. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. + Quy định của Tập đoàn về việc áp dụng kết quả đánh giá. <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian 01 tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. - Nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của nhà thầu. - Nếu nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền Bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của nhà thầu mà không cần bất cứ lý do gì của nhà thầu. - Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. - Nhà thầu được thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư, phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại và pháp luật có liên quan về thời hiệu khiếu nại. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng. <p>c) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên.</p>
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

	Ngoài quy định về phạt vi phạm, hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: _____ [ghi thời gian bàn giao công trình].
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công].
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 19.421.000 VND. (tương đương 5% giá trị HĐ)
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13 (Webform trên Hệ thống)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là ____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___ tháng___ năm___⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

(Hợp đồng điện tử)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

d) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:

2. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: _____ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc ⁽²⁾	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽³⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: _____ <i>[Hệ thống tự tính]</i>			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.